CK.0000078764

ỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM
THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

ĐÀO TAM TỈNH

TÌM TRONG DI SẢN VĂN HÓA XỨ NGHỆ

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LIÊN HIỆP CÁC HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT NAM
HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

ĐÀO TAM TỈNH

TÌM TRONG DI SẢN VĂN HÓA XỨ NGHỆ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ĐỀ ÁN BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

Cố vấn Ban Chỉ đạo: Nhà thơ Hữu Thỉnh

Chủ tịch Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

BAN CHỈ ĐẠO

1. Nhà văn Tùng Điển (Trần Quang Điển) *Trưởng ban*
2. Nhà nghiên cứu, TS. Đoàn Thanh Nô *Phó Trưởng ban*
3. TS. Trịnh Thị Thủy *Phó Trưởng ban*
4. Nhạc sĩ Nông Quốc Bình *Ủy viên kiêm Giám đốc*
5. GS.TS. Nguyễn Xuân Kính *Ủy viên*
6. PGS.TS. Lâm Bá Nam *Ủy viên*
7. ThS. Vũ Công Hội *Ủy viên*
8. ThS. Phạm Văn Trường *Ủy viên*
9. ThS. Nguyễn Nguyên *Ủy viên*
10. ThS. Nguyễn Ngọc Bích *Ủy viên*

Giám đốc

Nhạc sĩ Nông Quốc Bình

LỜI GIỚI THIỆU

Ủy ban tòan quốc Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, mái nhà chung của các Hội Văn học nghệ thuật cả nước. Liên hiệp gồm 74 tổ chức thành viên với trên 45.000 hội viên là văn nghệ sĩ thuộc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành Trung ương và các Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trải qua gần 25 năm hình thành và phát triển, đến nay Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam đã có hơn một nghìn hội viên, trong đó gần 600 hội viên là người dân tộc thiểu số hoạt động tại 34 tổ chức cơ sở và các chi hội, tỉnh thành hội trong cả nước. Trong giai đoạn từ năm 1999 đến nay, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đã có hàng nghìn công trình, tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam được sưu tầm, nghiên cứu, biên dịch, sáng tạo.

Bộ sách này là một phần của Đề án "Bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam", với mục tiêu là thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước nhằm bảo tồn, phát huy giá trị tác phẩm văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam; quảng bá di sản văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam với bạn bè thế giới; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết tòan dân tộc, thúc đẩy tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bổ sung nguồn tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi, giao lưu và phát triển văn hóa giữa các tộc người, nhân dân trong và ngoài nước, với cộng đông quôc tê.

Bộ sách là kết quả từ kho tài liệu hàng nghìn công trình, tác phẩm đã được nghiên cứu, sưu tầm, biên dịch, sáng tạo qua nhiều thế hệ tác giả, nghệ nhân, hội viên của Hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện bộ sách, Ban Chỉ đạo mong nhận được góp ý của quý bạn đọc gần xa.

TM. BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN

Nhà văn Tùng Điển
Phó Chủ tịch Thường trực
Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam

CHƯƠNG I

ĐỊA DANH - DI TÍCH - DANH THẮNG - DU LỊCH

ĐỊA DANH TỈNH NGHỆ AN

Theo sách "Đại Nam nhất thống chí" của Quốc sử quán triều Nguyễn (bản dịch, tập 2 - Huế, Thuận Hóa, 1997), tỉnh Nghệ An:

"Đông tây cách nhau 384 dặm, nam bắc cách nhau 356 dặm, phía đông đến biển 21 dặm, phía tây đến địa giới nước Nam Chưởng 363 dặm, phía nam đến Hoành Sơn địa giới huyện Bình Chánh, tỉnh Quảng Bình 219 dặm, phía bắc đến Khe nước lạnh giáp địa giới huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hóa 137 dặm Phía Đông nam đến cửa Cương Gián 43 dặm, phía Tây nam đến địa giới nước Ai Lao 515 dặm, phía đông bắc đến Cửa Hội 27 dặm, phía tây bắc đến địa giới châu Lang Chính, tỉnh Thanh Hóa 362 dặm. Từ tỉnh lỵ đi về phía nam đến Kinh 608 dặm linh.

Theo thiên văn thuộc khu vực sao Dực, sao Chẩn, về tinh thứ sao Thuần Vĩ "Theo sự suy trắc năm Minh Mệnh

thứ 18 thì mức cao nhất độ 20 phân 30 giây, lệch về phía tây 1 độ 42 phân".

Địa danh Nghệ An trải các đời (cũng theo *Đại Nam nhất thống chí*):

Xưa là đất Việt Thường, đời Tân thuộc Tượng Quận, đời Hán thuộc Cửu Chân, đời Ngô chia quận Cửu Chân mà đặt quận Cửu Đức; đời Tuỳ Khai Hoàng đặt Châu Hoan, Đại Nghiệp đổi là quận Nhật Nam ; đời Đường đặt 3 châu: Hoan, Diễn và Đường Lâm. Nước ta đời Đinh, Lê là Châu Hoan, đời Lý năm Thuận Thiên thứ 1 lấy Châu Hoan làm trại, năm Thông Thuỵ thứ 3 đổi là châu Nghệ An. Đời Trần, năm Nguyên Phong thứ 6, lại gọi là trại , năm Long Khánh thứ 3, đổi Châu Diễn làm lộ Diễn Châu; Châu Hoan làm các lộ Nghệ An Nam, Nghệ An Bắc và Nghệ An Trung, cũng gọi là phủ Nghệ An, sau đổi làm trấn (chưa rõ đời nào). Năm Quang Thái thứ 10, đổi trấn Nghệ An làm trấn Lâm An, trấn Diễn Châu làm trấn Vọng Giang. Hồ Hán Thương đổi Diễn Châu làm phủ Linh Nguyên; thời thuộc Minh là 2 phủ Diễn Châu và Nghệ An (Thiên hạ quận lợi bệnh thư chép: phủ Diễn Châu lãnh 4 huyện là Thiên Đông, Phù Dung, Phù Lưu, Quỳnh Lâm. Phủ Nghệ An lãnh 2 châu và 16 huyện, 8 huyện do phủ lãnh là Nha Nghi, Phi Lộc, Cổ Đỗ (trước là Đõ Gia), Chi La, Chân Phúc, Thổ Du, Kệ Giang và Thổ Hường, 4 huyện do Hoan Châu lãnh là Thạch Đường, Đông Ngạn, Sa Nam và Lộ Bình; 4 huyện do Châu Nam Tĩnh lãnh là Hà Hoàng, Bàn Thạch, Hà Hoa và Kì